

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : L37CXD1 N h c : 2013-2014 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 131L067100302 - T o ã n g d ã g 1 H c k m : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3710102174	L37CXD1	Nguy n ã c An	20/06/1989				4.0	6.0		5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	
2	3710102015	L37CXD1	D ã g Ph m Ho ã g Anh	09/03/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
3	3710102062	L37CXD1	Lê Hoàng Ân	22/12/1986				4.0	6.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
4	3710102087	L37CXD1	Nguy n V ã ã B n	12/10/1987				5.0	7.0		6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	DAU
5	3710102008	L37CXD1	ñ ã g V ã ã B o	12/08/1992				4.0	7.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
6	3710102022	L37CXD1	Ph m H ã g C ã g	05/10/1991				4.0	6.0		5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
7	3710102009	L37CXD1	ñ ã g Qu c Duy	10/02/1986				5.0	7.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
8	3710102103	L37CXD1	Lê Anh Duy	05/04/1990				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
9	3710102124	L37CXD1	Phan Lê Duy	06/06/1990				5.0	7.0		6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	DAU
10	3710102131	L37CXD1	Hu n h Trung D ã g	09/01/1989				5.0	6.0		5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
11	3710102028	L37CXD1	Phan Thanh D ã g	10/09/1991				6.0	7.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	DAU
12	3710102099	L37CXD1	V ã ã Qu c D ã g	10/09/1989				4.0	6.0		5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
13	3710102167	L37CXD1	Hu n h V ã ã ã ang	19/12/1988				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
14	3710102030	L37CXD1	Tr n Th ¾c ã nh	19/08/1992				4.0	5.0		4.5	1.4	4.0	2.8	4.2	
15	3710102079	L37CXD1	Nguy n Ph m Th ã h Giang	18/01/1991				5.0	7.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
16	3710102032	L37CXD1	Nguy n V ã ã Gi ã g	05/08/1992				5.0	7.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
17	3710102084	L37CXD1	Tr n T ã g H i	02/07/1989				4.0	5.0		4.5	1.4	4.0	2.8	4.2	
18	3710102057	L37CXD1	V ½ V ã ã H i	15/01/1990				4.0	6.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
19	3710102118	L37CXD1	Ph m V ã ã H nh	17/11/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L37CXD1 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131L067100302 - T ấ n ấ d ấ g 1 H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3710102052	L37CXD1	Nguy n Thanh	Hĩ n	17/11/1991				5.0	6.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
21	3710102144	L37CXD1	Tr n V ấ	Hĩ u	02/01/1991				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
22	3710102037	L37CXD1	B ấ i Tĩ n	Ho ầ ng	23/03/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
23	3710102074	L37CXD1	H Thanh	Ho ầ ng	25/05/1990				5.0	7.0		6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	DAU
24	3710102081	L37CXD1	Nguy n Kĩ u	Ho ầ ng	11/09/1992				4.0	5.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
25	3710102136	L37CXD1	ấ ng Qu c	H ầ a	19/03/1988				4.0	6.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
26	3710102166	L37CXD1	Nguy n H ầ	Huy	20/05/1990				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	DAU
27	3710102096	L37CXD1	Ph m Ng c	Huy	15/10/1991				4.0	6.0		5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
28	3710102137	L37CXD1	Tr n V ấ	Huy ề n	25/12/1989				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	DAU
29	3710102117	L37CXD1	ấ ng	H u	25/08/1988				5.0	7.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
30	3710102077	L37CXD1	ấ o ầ Trung	Kĩ ề n	21/08/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
31	3710102115	L37CXD1	Tr n L 2 Thy	Khanh	02/03/1989				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
32	3710102105	L37CXD1	Nguy n V ấ	Khoa	26/06/1991				5.0	7.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
33	3710102161	L37CXD1	Tr n Anh	Kh ng	13/08/1987				4.0	7.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
34	3710102104	L37CXD1	Nguy n S n	L ầ m	02/02/1991				5.0	7.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
35	3710102060	L37CXD1	B ấ i ấ ấ ng	Mĩ nh	02/09/1988				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
36	3710102047	L37CXD1	V ấ V ấ	Mĩ nh	20/02/1991				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	DAU
37	3710102066	L37CXD1	L 2 Kh c	Nam	16/07/1991				5.0	6.0		5.5	1.7	8.0	5.6	7.3	
38	3710102023	L37CXD1	Nguy n Th ầ nh	Nam	27/01/1988				4.0	7.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	DAU

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : L37CXD1 N h c : 2013-2014 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131L067100302 - To ã n g d ng 1 H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3710102152	L37CXD1	Vĩ nh Ninh	08/09/1989				4.0	5.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
40	3710102177	L37CXD1	L Anh Ních	10/09/1987				5.0	6.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
41	3710102034	L37CXD1	Ph m H ng Ng c	30/11/1990				5.0	7.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
42	3710102069	L37CXD1	ñ ng Tu n Nhân	05/01/1987				6.0	6.0		6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	DAU
43	3710102106	L37CXD1	Hu nh Quang Nhân	21/12/1987				5.0	6.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
44	3710102140	L37CXD1	ñ o Thanh Nh t	02/07/1988				4.0	6.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
45	3710102100	L37CXD1	Nguy n Xu ã n Nh t	14/11/1990				5.0	6.0		5.5	1.7	3.0	2.1	3.8	
46	3710102125	L37CXD1	L ã m H u Ph c	19/05/1990				4.0	7.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
47	3710102054	L37CXD1	Võ Thanh Quang	20/11/1989				5.0	7.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
48	3710102175	L37CXD1	L u Th ã i Qu c	21/05/1988				6.0	6.0		6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	DAU
49	3710102114	L37CXD1	Di p Minh Tâm	21/06/1990				4.0	6.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
50	3710102168	L37CXD1	Bùi Minh Tân	06/07/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	DAU
51	3710102138	L37CXD1	Nguy n ã nh Tân	08/02/1983				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	DAU
52	3710102165	L37CXD1	Nguy n V ã Minh Tân	14/09/1991				4.0	5.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
53	3710102059	L37CXD1	T C ã ng Tân	05/06/1990				5.0	6.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
54	3710102089	L37CXD1	D ng B ã Ti n	20/05/1988				5.0	7.0		6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	DAU
55	3710102123	L37CXD1	ñ inh Minh Ti n	20/11/1989				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	DAU
56	3710102021	L37CXD1	Nguy n V ã Tỉnh	10/01/1984				4.0	6.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
57	3710102094	L37CXD1	D V ã Tĩ	16/12/1988				4.0	5.0		4.5	1.4	0.0	0.0	1.4	

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN - MÔN THI NH PH N

Khí a h c : L p h c : L37CXD1 Năm h c : 2013-2014 ñ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ñ T : H c ph n : 131L067100302 - To ñ n g d ñ g 1 H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H ñ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THI NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3710102046	L37CXD1	Bùi Trung	Tính	06/01/1991				4.0	6.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
59	3710102129	L37CXD1	L i Minh	Tu n	20/09/1985				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
60	3710102076	L37CXD1	Nguy n H u	Tu n	28/09/1991				4.0	5.0		4.5	1.4	2.0	1.4	2.8	
61	3710102007	L37CXD1	Qu ng Di u	Thành	27/08/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
62	3710102053	L37CXD1	Nguy n Huu nh	Th ng	05/06/1991				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
63	3710102182	L37CXD1	Ph m Minh	Thi n	16/07/1988				5.0	6.0		5.5	1.7	3.0	2.1	3.8	
64	3710102027	L37CXD1	Tr n Vñ	Th nh	00/00/1990				4.0	6.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
65	3710102126	L37CXD1	Nguy n Anh	Thông	12/12/1990				4.0	5.0		4.5	1.4	0.0	0.0	1.4	
66	3710102130	L37CXD1	Tr n ñ c	Thu n	09/10/1990				4.0	6.0		5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
67	3710102048	L37CXD1	V½Tr ñ g Cì	Trân	05/09/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
68	3710102112	L37CXD1	Nguy n Ng c	Trung	20/10/1990				5.0	7.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
69	3710102061	L37CXD1	Ph m Vñ	Trung	10/12/1991				4.0	6.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
70	3710102063	L37CXD1	Ph m Quan	Tr ñ g	18/02/1990				4.0	5.0		4.5	1.4	4.0	2.8	4.2	
71	3710102012	L37CXD1	Nguy n Th ñ h	Vinh	01/07/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	DAU
72	3710102180	L37CXD1	Bùi Thanh	VJO	23/03/1991				4.0	5.0		4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	DAU

T ñ g s : 72 h c sinh sinh vi² n Tp.HCM, ngày / /
Tr ñ g Khoa Gi" o Vi² n B M»n Gi" o V Khoa